TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 4 – 2018
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Ca.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vinh Quang;
2. Ông Nguyễn Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thủy.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 về việc "*Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L; sinh năm 1978.

Bị đơn: Anh Trần Văn T; sinh năm 1973.

Đều có địa chỉ: Xóm X, xã Gi, huyện G, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Có mặt chị L, anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp ngày 07 tháng 3 năm 2018, bản tự khai ngày 19 tháng 3 năm 2018, biên bản thỏa thuận ngày 21 tháng 3 năm 2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu, xây dựng hạnh phúc gia đình với nhau, được hai bên gia đình nhất trí vun đắp. Trước khi được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ, chị và anh T có đến Ủy ban nhân đân xã Giao Xuân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định để xin đăng ký kết hôn nhưng do lúc đó chị chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên không đăng ký kết hôn được. Vào ngày

19/11/1995 (âm lịch) chị và anh T được hai bên gia đình tổ chức đám cưới. Sau ngày cưới chị và anh T chung sống vợ chồng với nhau và đã sinh được 02 con chung, nhưng kể từ khi cưới nhau đến nay chị và anh T chưa đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống với nhau cho đến năm 2009 thì sống ly thân cho đến nay vì không hợp tính nết và quan điểm sống. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể cùng chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn anh Trần Văn T.

- Về con chung: Chị và anh Trần Văn T có 02 con chung là Trần Phương Th; sinh ngày 20/4/2002 và Trần Phương D; sinh ngày 23/01/2005, hiện nay 02 con đều đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin nhận nuôi cả 02 con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, các mối quan hệ khác về tài sản và ruộng khoán của hợp tác xã: Vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 19 tháng 3 năm 2018, biên bản thỏa thuận ngày 21 tháng 3 năm 2018 và tại phiên tòa, bị đơn Trần Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị L tự nguyện tìm hiểu và quyết định chung sống vợ chồng với nhau. Năm 1995 anh và chị L có đến Ủy ban nhân đân xã Giao Xuân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định để xin đăng ký kết hôn nhưng vì lúc đó chị L chưa đủ tuổi nên không đăng ký kết hôn được. Ngày 19/11/1995 (âm lịch), hai bên gia đình đã tổ chức đám cưới cho anh và chị L và anh chị chung sống vợ chồng với nhau, đã có 02 con chung, đến nay vẫn chưa có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống và không hợp tính nết. Nên đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Nay anh xác định giữa anh và chị L không còn tình cảm gì với nhau nữa, chị L xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí.

- Về con chung: anh và chị L có 02 con chung là Trần Phương Th; sinh ngày 20/4/2002 và Trần Phương D; sinh ngày 23/01/2005, hiện nay 02 con đều đang ở với chị L. Khi ly hôn anh để chị L tiếp tục được nuôi 02 con chung và anh đề nghị được quyền thăm nom con chung khi có điều kiện.

- Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, các mối quan hệ khác về tài sản và ruộng khoán của hợp tác xã: Vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 19/3/2018, hai con chung là là Trần Phương Th và Trần Phương D đều trình bày nguyện vọng xin được ở với chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời khai của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy nội dung chị Trần Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung đối với anh Trần Văn T; hiện cư trú tại xóm Xuân Hùng, xã Giao Xuân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị L và anh T đã có một thời gian chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Do bất đồng với nhau trong quan điểm sống và tính tình không hợp nên đã xảy ra mâu thuẫn. Chị L và anh T đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay, không còn tình cảm gì, vì vậy nếu có tiếp tục duy trì cuộc sống chung thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được.

Chị L và anh T không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nay chị L có nguyện vọng xin được ly hôn, nên chấp nhận để mỗi người sớm ổn định cuộc sống mới, đồng thời phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Phương Th; sinh ngày 20/4/2002 và Trần Phương D; sinh ngày 23/01/2005, hiện nay 02 con đều đang ở với chị L. Các con chung đều có nguyện vọng xin được ở với chị L, chị L có nguyện vọng xin nhận nuôi cả 02 con chung và không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con; anh T cũng có nguyện vọng để chị L được quyền nuôi cả 02 con chung. Vì vậy nay cần giao 02 con chung cho chị L nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được là phù hợp với thực tế và phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung khi có điều kiện.

[4]. Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, các mối quan hệ khác về tài sản và ruộng khoán của hợp tác xã: Hai đương sự chị L và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị L và anh Trần Văn T.

2. Giao chị Trần Thị L tiếp tục nuôi 02 con chung là Trần Phương Th; sinh ngày 20/4/2002 và Trần Phương D; sinh ngày 23/01/2005 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được; anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản quyền này.

3. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 07783 ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giao Thủy. Chị Trần Thị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Văn Ca